



Hoa Kỳ: Không gian đa chủng và cô độc

Trong giây phút im lặng ngay sau tai nạn trên xa lộ Los Angeles, nhân vật cảnh sát da đen trong phim Crash lẩm bẩm: “Văn đề là xúc giác.” Làm sao để có được cảm giác chạm vào một người khác, bằng đầu ngón tay, bằng thân thể, hay thậm chí bằng khối sắt của chiếc xe. Có người nói nếu Paris là thủ đô của thế kỷ 19, New York là thủ đô của thế kỷ 20, thì Los Angeles là thủ đô của thế kỷ 21. Không phải vì nó chiếu rọi ánh sáng của một nền văn minh mới, mà vì nó chính là hiện thân của những mâu thuẫn thời đại, một cách gay gắt nhất. Ở LA (tên thành phố được viết tắt như một ẩn hiệu), không gian trải rộng, xám nhạt một màu bê tông, sương mù, và thán khí. Ở LA không thấy mấy người, chỉ thấy xe vào ban ngày, và thấy những chấm sáng vào ban đêm. Lái xe trên xa lộ LA, một sinh hoạt chiếm nhiều giờ trong một ngày và quá nhiều ngày trong một đời, dù người lái xe có là người da đen, da vàng, da nâu, hay da trắng, chúng tôi cũng chỉ nhìn thấy ánh đèn đuôi xe trước trong chuỗi những ánh đèn chạy cùng một hướng. Buổi tối, trên xa lộ 105, chúng tôi lái song song hay ngược chiều với chuỗi chấm sáng treo lơ lửng, ánh đèn chớp tắt của dây phi cơ nối nhau nhiều dặm, chờ hạ cánh xuống phi trường LAX.

LA là nơi cô độc, ở chỗ giáp giới giữa quá nhiều văn hóa, ngôn ngữ, và màu da. Ở đây người ta sống trong thế giới khép kín của họ: nếu không phải trong barrio, the hood, thì là những khu nhà có tường thành và cổng mở theo mật mã. Giao tiếp giữa người và người, nhất là giữa những nhóm chủng tộc khác nhau và giai cấp khác nhau, xảy ra qua quan hệ của một nền kinh tế thị trường hàng hóa. Một người đàn ông hay đàn bà trung lưu da trắng, hay đôi khi da đen, sẽ gặp một người Việt Nam cắt dừa móng tay cho họ. Áo quần chúng tôi mặc được sản xuất tại Guatamala, Trung Quốc, Việt Nam, Tích Lan, hay ngay cả do những người Việt Nam hay Châu Mỹ Latin làm với giá lương rẻ mạt trong những xưởng may ở LA và các vùng phụ cận. Mang đi giặt ủi thì có thể chúng tôi sẽ gặp một người Việt Nam hay Trung Quốc. Vườn tược, nhà cửa, con cái của giới trung lưu da trắng sẽ do người Châu Mỹ Latin chăm sóc. Thực phẩm của mọi người thì được nuôi trồng bởi những người gốc Mexico, và chế biến trong những nhà hàng của gần hết tất cả những sắc dân trên thế giới. Chúng tôi đi ăn ở các nhà hàng Việt Nam, sẽ gặp người phụ bếp, dọn bàn, rửa chén Châu Mỹ La-tin. Tất cả sống nhờ vào lao động của những người di dân mà đa số là những người biến thành da màu khi đặt chân đến đất này.

LA không khác những đô thị thế giới trong tiến trình kinh tế toàn cầu và hiện tượng di dân, chỉ dữ dội hơn, trong độ cô độc và đa chủng của nó, trong độ thờ ơ và phẫn nộ của nó. Thành phố đã từng và chờ chực bùng cháy, không phải chỉ do những cơn địa chấn. Chúng tôi đã đốt cháy thành phố năm 1965, và một lần nữa năm 1992, vì xung đột màu da. Sự phẫn nộ màu da ở LA đã dự báo những biến cố tương tự, chẳng hạn như cuộc nổi loạn của người Phi Châu và Hồi Giáo tại Paris và các vùng lân cận bắt đầu vào cuối tháng Mười năm nay và vẫn còn đang tiếp diễn.

LA là hình ảnh cô đọng của Hoa Kỳ, phóng về phía trước.

Trong tương quan với những vùng khác trên thế giới, Hoa Kỳ giữ vai trò một loại thủ phủ, với tất cả những mâu thuẫn ngày càng gay gắt của một đô thị như LA. Lịch sử thế giới và tương quan trong một nền kinh tế toàn cầu đã biến Hoa Kỳ thành vùng đất di dân. Di dân tìm đến đây và nơi này cần họ.

Phong trào dành quyền công dân bình đẳng cho các sắc dân da màu trong thập niên 60 đã đưa đến Luật Di Dân năm 1965, xóa bỏ một số hạn ngạch về sắc dân, màu da, chủng tộc. Kết quả là Hoa Kỳ đã nhận vào đông đảo di dân, gồm cả các sắc dân sẽ biến thành thiểu số da màu trên xứ sở này.

Ngay sau đó, nền kinh tế toàn cầu từ những năm đầu thập niên 70 đã bắt đầu đòi hỏi các thành phần lao động đặc thù và uyển chuyển mà cách tổ chức một xã hội thuần nhất về mặt văn hóa không còn khả năng đáp ứng. Nói một cách khác, nền kinh tế toàn cầu không những cần thêm lao động để hạ giá thành, mà còn cần những người lao động không giống nhau và không bình đẳng. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 1973 tiêu biểu trong đợt tăng giá dầu đã biến thành bước rẽ khởi đầu cuộc chạy đua của các doanh nghiệp đi tìm lợi nhuận bằng nhiều cách khác hơn là phương thức sản xuất đồng dạng và đồng loạt giầy chuyên kiểu Ford đã được hoàn chỉnh trong mấy thập kỷ trước. Nếu trước đó, các xí nghiệp cần công nhân sống theo đời sống và làm những công đoạn được tiêu chuẩn hóa với số lương và điều kiện làm việc, thì bây giờ những khác biệt về thuế má, luật bảo vệ môi sinh hay môi trường lao động, mức sinh hoạt, giới tính, màu da, chủng tộc, đẳng cấp, văn hóa đều có thể tạo lợi nhuận cho các doanh nghiệp biết cách khai thác những khác biệt ấy.

Kết quả không chỉ là hiện tượng sản xuất tại các nước nghèo hơn, lao động rẻ hơn và đa số là nữ bị bắt buộc phải ngoan ngoãn và khéo tay, mà còn là hiện tượng di dân vào các nước cựu đế quốc như Anh và Pháp, hay những nước thủ phủ khác như Đức, Canada, Úc, và dĩ nhiên, Hoa Kỳ. Chúng ta ai sống hoặc có thân nhân sống ở miền Nam California chẳng hạn sẽ không lạ gì những shop may trả lương tối thiểu mượn đa số là đàn bà Việt Nam và đàn bà Châu Mỹ La Tinh, hay cách tổ chức bỏ đồ may tại nhà. Lao động dĩ nhiên là dân da màu, ít cơ hội hơn vì màu da, ngôn ngữ, văn hóa. Các doanh nghiệp có thể trả lương họ rẻ hơn, mà còn có thể sa thải họ bất cứ lúc nào, mượn làm nhiều ít tùy theo nhu cầu sản xuất và thị trường tiêu thụ.

Dựa vào thành quả của phong trào tranh đấu dân quyền bình đẳng cho da màu từ thập niên 60, nhu cầu của nền kinh tế đang toàn cầu hóa từ đầu thập niên 70 đã biến Hoa Kỳ thành quốc gia thật sự đa chủng, xứ sở của di dân, đất nước của sự bất bình đẳng, cách ly, và cô độc.

Như LA, thay vì the United States of America, người ta bây giờ chỉ cần gọi Hoa Kỳ là the US, một ẩn hiệu không cội rễ và phi địa lý. The US là hiện thân của những mâu thuẫn thời đại, một cách gay gắt nhất. Với tất cả sức mạnh của nó.

Dòng văn chương da màu với những chiến thuật cũ và mới

Trong bối cảnh trên, 40 năm sau bộ Luật Di Dân 1965, và hơn 30 năm sau đợt toàn cầu hóa kéo dài cho đến nay, phải chăng chúng ta bắt đầu thấy hình thành một dòng văn chương da màu mới của những đợt di dân mới, khác với văn chương Mỹ gốc Á (Asian American literature), khác cả với văn chương Da Đen trong truyền thống Harlem Renaissance của thập niên 20, nhưng đến gần hơn với khuynh hướng hậu thuộc địa và xuyên quốc gia sau này?

Văn chương Mỹ gốc Á, tiêu biểu ở các tác giả như Frank Chin, Maxine Hong Kingston, Carlos Bulosi, Amy Tan v.v., đã được nuôi dưỡng từ trước để trở lên mạnh mẽ từ phong trào đòi quyền bình đẳng của thập niên 60. Nhưng bình đẳng với ai? Và trong cộng đồng chính trị nào? Là những cây bút có tài, đến từ một lịch sử gần gũi và cay đắng, các tác giả Mỹ gốc Á này trả lời cho người đọc những câu khá rõ nét: chúng tôi viết lại lịch sử nước Mỹ, trong đó có chúng tôi.

Lịch sử Mỹ đã viết chồng lên sức lao động và sự hiện diện của người Mỹ gốc Á, bôi xóa những đóng góp mồ hôi và cơ bắp của cu-li người Hoa cuối thế kỷ 19 trên mấy mươi ngàn dặm đường rầy xe lửa dọc ngang xuyên suốt một lục địa; bôi xóa cả những cuộc đời cần kiệm trên nông trại của người di dân gốc Nhật trong những thập kỷ trước Thế Chiến Thứ Hai; bôi xóa cả máu xương người lính Nhật, Hoa, Phi đã đổ trong 2 cuộc thế chiến bảo vệ những biên thùy xa của một cường quốc đang hình thành theo chiều dài của thế kỷ. Bôi xóa công lao của các nhóm người này đến độ khi Hoa Kỳ đánh nhau với Nhật, thì cả công dân Mỹ gốc Nhật cũng không được coi là người Mỹ, trong cộng đồng dân tộc Mỹ, và 1/4 triệu người gốc Nhật bị giam vào trại tập trung trong những vùng sa mạc miền Tây Hoa Kỳ. Những tác phẩm trong dòng văn chương Mỹ gốc Á đồ theo những vết mờ đã xóa, để vẽ lại địa lý, một địa lý thấm đẫm lịch sử, một lịch sử có mặt người Mỹ gốc Á.

Sự hiện diện của họ trong quá trình hình thành cộng đồng dân tộc Mỹ đòi hỏi một lý lẽ đương nhiên: sự bình đẳng với người da trắng trong cộng đồng dân tộc được định nghĩa bởi người da trắng.

Rất hợp lý.

Nhưng để đòi chỗ đứng trong cộng đồng dân tộc Mỹ, văn chương Mỹ gốc Á đã giữ nguyên vị cái lõi da trắng của cộng đồng này. Mẫu mực dân tộc, trong khuôn khổ của một quốc gia, không suy suyển. Đây là một cộng đồng dân tộc đóng vai một cộng đồng chính trị. Hành động đòi hỏi quyền bình đẳng trong cộng đồng chính trị này chỉ có thể tái tạo lại chỗ đứng của người gốc Á là ngoại nhân, ở ngoài lề, khao khát địa vị trung tâm của người da trắng. Điều độc giả dòng chính mong đợi ở họ là loại truyện kể về truyền thống, văn hóa, lịch sử đặc thù (do đó phải ngoạn mục, đau đớn càng tốt, lấp lánh như vàng mã) của dân họ, như một cách nhận diện các nhóm thiểu số bằng lịch sử đặc thù của da màu được đối chiếu qua những giá trị lẫn cảm tính phổ quát của cốt lõi da trắng. Tất cả những đòi hỏi của người Mỹ gốc Á càng làm rõ hơn khoảng cách từ ngoại biên đến trung tâm, khoảng cách của khát vọng và oán hờn.

Trái với ưu tư thèm khát được công nhận công sức trong cộng đồng dân tộc Mỹ, phong trào Harlem Renaissance của người da đen bắt đầu quan tâm đến nguồn gốc Phi Châu và da đen tính của họ để viết lại một lịch sử dài hơn lịch sử Hoa Kỳ và vẽ lại một địa lý rộng hơn nước Mỹ. Bị tình phụ, cô tó gái da đen Docia trong Cái Chết Đen của Zora Neale Hurston đi tìm cách trả thù và chợt thấy: “ba trăm năm nước Mỹ tan như sương sớm. Châu Phi vươn cánh tay đen đòi lại đứa con của nó.” Phong trào này đánh dấu một bùng nổ trong tâm thức và văn chương. Sức sáng tạo của họ được tiêu biểu qua các tác giả như Zora Neale Hurston, Countee Cullen, Langston Hughes. . . . Nếu cuộc tìm kiếm cội nguồn Phi Châu của phong trào này không khác xa loại tìm về hào quang Thủy Hử ở Frank Chin (quả tình chỗ đứng của người gốc Á tại Mỹ không vượt qua một loại thủy hử-bia nước), thì phong trào Harlem với cái nhìn về da đen tính đã dự báo tư tưởng da đen tính négritude xuyên quốc gia trong thời thuộc địa và hậu thuộc địa bắt đầu ở thập niên 30 (xin xem bài của Christine Cao trong số này), và tư tưởng Đại Tây Dương Đen (Black Atlantic) thời hậu thuộc địa cuối thế kỷ 20.

Chỗ khác biệt với dòng văn chương Mỹ gốc Á và tư tưởng đi kèm là văn chương da đen gồm cả

những tác phẩm như của Ralph Ellison, Richard Wright hay James Baldwin không mang cùng mặc cảm ngoại nhân của người gốc Á, và mức độ phản nộ về lịch sử nô lệ phá tan khoảng cách khao khát giữa ngoại biên và trung tâm trong một cộng đồng quốc gia. Cũng chính lịch sử nô lệ và đường dây mua bán nô lệ trải dài theo lịch sử và địa lý để quốc đã đẩy một phần của dòng văn chương da đen đến gần tâm thức nhuốm hơi hướm hậu thuộc địa và xuyên quốc gia tương tự như *négritude* của Aimé Césaire, L. Senghor hay *Black Atlantic* của Paul Gilroy sau này.

Vậy dòng văn chương da-màu-mới này thừa hưởng hay quay lưng lại những dòng văn chương Mỹ gốc Á, văn chương Mỹ gốc Phi Châu, hay cả Mỹ gốc Mễ Tây Cơ/Châu Mỹ Latin trước đó? Và văn chương bằng tiếng Anh và tiếng Việt của các tác giả gốc Việt nằm đâu trong tương quan lịch sử văn học Hoa Kỳ và bối cảnh kinh tế chính trị tại Mỹ và trên thế giới?

Để bắt đầu suy nghĩ về những câu hỏi này, chúng tôi mời các bạn đọc bản dịch 2 tác phẩm khá tiêu biểu cho dòng văn chương da-màu-mới trong bối cảnh đương đại. Truyện Bầy của Edwidge Danticat, một tác giả nữ da đen gốc Haiti, mở đầu với câu "Một tháng nữa sẽ đúng 7 năm tròn từ ngày anh quen vợ anh" và tâm trạng của người đàn ông Haiti di dân chuẩn bị đón người vợ được bảo lãnh sang định cư cùng mình tại New York. Ở Mỹ, họ đã phải đối diện với biến cố Patrick Dorismond, một người lai Haiti bị cảnh sát New York bắn chết, vì anh ta mang màu da đen. Da đen tính trong bối cảnh hậu thuộc địa ở Haiti được chuyển sang bối cảnh tương quan màu da ở một đô thị Hoa Kỳ. Ký ức trong thứ tiếng Pháp lai (créole) được kể bằng Anh ngữ, và đến với chúng ta bằng giọng văn dịch tinh tế của Trịnh Thanh Thủy. Hai đợt chuyển ngữ, từ ký ức créole rắc vào Anh ngữ và từ tiếng Anh chuyển sang Việt ngữ, lồng vào nhau như 2 lần giấy mỏng chồng lên nhau, những đường nét của bản trước ẩn hiện trong bản sau, lẫn bản sao.

Truyện ngắn Lục Địa Thứ Ba và Cuối Cùng của Jhumpa Lahiri nằm trong tập truyện ngắn *Interpreter of Maladies* đã được giải Pulitzer. Cũng là truyện người đàn ông di dân ở Massachusetts bảo lãnh vợ sang, lần này thì từ Bengal bên Ấn, cô Lahiri đã dẫn người đọc theo suốt cuộc hành trình không chỉ từ Nam Á, sang Tây Âu, sang Bắc Mỹ - lục địa cuối cùng - mà còn theo chân gã di dân qua mỗi dặm đường: "Tôi không phải là kẻ duy nhất đi tìm kho tàng ở chốn xa xăm, và dĩ nhiên không phải là người đầu tiên. Dù thế, có nhiều lúc tôi đã ngần ngại trước mỗi dặm đường tôi đã từng đi, mỗi bữa ăn tôi đã từng ăn, mỗi một người tôi đã từng quen, mỗi buổi tôi đã từng ngủ. Dù tất cả đều xem như tầm thường, có những lúc chúng như nằm ngoài sức tưởng tượng của tôi." Bản dịch của Phạm Thị Ngọc giữ lại một số dấu vết của nguyên tác như những đứa trẻ sợ mất đường về phải rắc vụn bánh mì đánh dấu cuộc hành trình từ tiếng Anh sang tiếng Việt, từ lục địa này sang lục địa khác, kỳ diệu như chuyến du hành đến mặt trăng trong câu truyện.

Trở lại câu hỏi dòng văn chương da-màu-mới hôm nay khác thế nào với dòng văn thiểu số (ethnic) có rễ lâu đời hơn như văn chương Mỹ gốc Á. Đời sống di dân đầy những chuyển vượt qua đi về ngang dọc rất hiện thực, không phải một chiều để hồi ức không tưởng về quê hương. Dòng văn chương da-màu-mới, trong bối cảnh di dân đương đại ít than vãn hơn, ít dùng những hồi ức không tưởng về truyền thống lịch sử họ để đòi chỗ đứng xứng đáng gần trung tâm hơn trong cộng đồng dân tộc Mỹ. Những mô tả về những người ở quê hương không nằm trong quá khứ mà thường là những tiến trình đang xảy ra, vì những quan hệ xuyên quốc gia vẫn tiếp diễn, nếu không muốn nói chúng đã biến thành kinh nghiệm phổ quát của đa số con người trên mặt đất ở thế kỷ chúng ta. Cốt lõi da trắng, cái tâm điểm lý tưởng, cái đích của người da màu nhìn từ bên lề hình như cũng mờ nhạt hay bị lệch đi. Bài học của người đàn bà da trắng 103 tuổi, cư dân lâu đời ở vùng New England trong truyện Lục

Địa Thứ Ba, dạy gã di dân về thành tựu tuyệt diệu của nước Mỹ ở chuyển đồ bộ cắm cờ trên mặt trắng lại chính là bài học không tưởng, vì gã di dân đã phải dấu bà sự kiện lá cờ Hoa Kỳ đã được gỡ đi. Dòng văn chương da màu mới không là chuyển đi từ ngoài lề vào trung tâm của cộng đồng dân tộc Mỹ, mà là dòng văn chương itinerant, đi về theo gót di dân.

Chính vì những chuyển vượt biên không một chiều đi đi về về đó mà dòng văn chương mới này mang tính xuyên quốc gia, đến gần hơn với dòng văn chương hậu thuộc địa/hậu đế quốc như ta thấy ở Salman Rushdie hay Hanif Kureishi trong văn chương Anh. Tính hậu thuộc địa bắt đầu lấn tính thiểu số trong dòng văn chương da màu mới. Tâm thức hậu thuộc địa cho thấy rõ nét hơn lịch sử của tương quan quyền lực mà không bị khuôn mẫu dân tộc chủ nghĩa bao trùm và làm mờ mắt. Dân tộc chủ nghĩa được đặt vào đúng chỗ của nó trong quá trình chinh phục của đế quốc. Cũng chính trong cái nhìn mới này mà những tiếng nói bản địa bỗng dưng mang giọng khác. Văn phong, truyện kể của tác giả người Mỹ bản xứ (mà ta thường gọi là 'da đỏ') Sherman Alexie bỗng dưng không khác mấy với mỹ quan hậu thuộc địa, một thứ mỹ quan chân đi, lưu mà không lạc, itinerant. Dòng văn mới, trong bối cảnh di dân mới, không sợ nhãn hiệu lưu dân sojourner của những thế hệ trước. Bài phân tích của Thường Quán trong số này về tâm thức nghệ thuật thổ dân thế hệ mới trên 2 lục địa Úc và Mỹ làm ta phải suy nghĩ về chiến thuật vừa giống dân thuộc địa cũ vừa thích nghi hơn với thế giới hiện toàn cầu nhưng phân mảnh (thể hiện trong bối cảnh đa chủng nhưng cách ly và cô độc như ta đã nói đến về Hoa Kỳ). Trong chiến thuật này, người thổ dân Úc "mưu cầu bản sắc" trong thổ dân tính, trong cả da đen tính của họ, như Sherman Alexie đòi hỏi một bản sắc da đỏ, rất cần thiết nếu ta muốn có được câu trả lời trắng đen cho câu hỏi "có hay không có sự bình đẳng?" Vấn đề đáng nghiệm là họ không ngừng ở bản sắc đen hay đỏ (ở thời chống thực dân tại các thuộc địa thì nó là chủ nghĩa dân tộc), mà lại lập tức đập tan chính bản sắc thổ dân đó ra thành những mảnh vỡ. Có nghĩa là cùng lúc đập tan cả bản sắc của kẻ cai trị, phá vỡ cặp nhị nguyên lịch sử đặc thù của dân bị trị ở ngoại vi và tính phổ quát của kẻ cai trị ở trung tâm. Theo Thường Quán, mỹ quan của họ là thứ mỹ quan vừa phải mưu cầu bản sắc, vừa phải vỡ mảnh, lưu động, giữa một thế giới "không tâm điểm, mất hệ trục."

Văn Chương Di Dân Việt

Còn những tác phẩm của người viết gốc Việt có mối tương quan như thế nào với dòng văn chương da-màu-mới? Chúng tôi xin mời bạn đọc thường nghiệm 3 tác phẩm bằng Anh ngữ của các tác giả gốc Việt: Đinh Linh, Aimee Phan, và Việt Nguyễn.

Hai Nhà Trí Thức trong truyện cùng tựa của Đinh Linh không mang dấu ấn của màu da hay sắc tộc, ngay cả trong bản dịch Việt ngữ sắc cạnh của Phan Nhiên Hạo. Hai nhân vật chỉ mang dấu ấn của tội ác. Isabelle Pelaud, qua bản dịch của Chân Phương, cho rằng những truyện ngắn của Đinh Linh trong tuyển tập Fake House đảo ngược những mong đợi của thị trường và độc giả giòng chính về những câu chuyện kể của người Việt lưu vong trở về xứ sở. Như thế, có phải những nhân vật ở trung tâm những câu truyện của Đinh Linh gồm Việt tại Việt Nam, Việt tại Mỹ, và cả những nhân vật da trắng nghèo, giang hồ, tội phạm, xấu xí, ngoài lề cho ta thấy một khoảng không gian đa dạng, làm mất ổn định quan hệ giữa lề và trung tâm mà chúng ta vẫn thấy trong dòng văn chương Mỹ gốc Á?

Ta Không Bao Giờ Nên Gặp Nhau của Aimee Phan, qua giọng văn dịch rất phù hợp với đời thường như kể chuyện của Trần Tuệ Quân, cho ta thấy những khát vọng trong thế giới của những nhân vật lai, bụi đời, băng đảng. Nhân vật Kim không khát khao trung tâm da trắng để đi tìm người cha Mỹ,

mà lại đi tìm hình ảnh người Mẹ Việt của cô ta, một lựa chọn tai ương. Như thế thì lối kể chuyện này mang ta đến gần với thế giới đa dạng ngoài lề như Pelaud đã nhìn thấy ở Đinh Linh hay đáp ứng mong chờ của độc giả về loại nhân vật bằng đảng gốc Á Châu?

Trong truyện Một Cuộc Sống Đứng Đắn của Việt Nguyễn qua bản dịch vừa chuẩn vừa truyền cảm của Nguyễn Nguyệt Cầm, người đàn ông trẻ tị nạn Việt Nam được 2 người đàn ông bảo lãnh. Nhưng cả 2 người bảo lãnh đều không thể là mẫu người trong dòng chính của xã hội Mỹ. Địa lý, lịch sử, và cả tính dục của căn cước người đàn ông tị nạn biến thành phức tạp hơn là nếu anh ta chỉ thèm khát một hình ảnh người Mỹ được xem là lý tưởng đứng gác cổng cho cộng đồng dân tộc da trắng. Nếu truyện này đồ theo một số hoa văn quen thuộc của dòng văn chương Mỹ gốc Á, thì có phải chăng nó cũng đồng lúc phá vỡ khuôn mẫu nhị nguyên ngoại biên và trung tâm trong dòng văn chương này?

Đó là những sáng tác bằng tiếng Anh. Còn sáng tác bằng tiếng Việt? Chúng tôi hân hạnh mời bạn đọc tác phẩm của 4 tác giả quen thuộc Phạm Thị Ngọc, Nguyễn Danh Bằng, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, và Nguyễn Thị Ngọc Nhung.

Khoảng cách giữa ngoại biên và trung tâm là một khoảng cách văn hóa, xã hội, chính trị, thể hiện lên màu da của thân thể. Nhưng thế giới trung tâm da trắng có thoát được định mệnh chung? Sau thời gian dài bất tin, Judith, cô bạn da trắng từ thời vị thành niên những năm đầu Yển đến nước Mỹ trong truyện Bạn của Phạm Thị Ngọc, gửi đến Yển bản thông điệp từ trung tâm thế giới 'toàn trắng,' trắng như những dải đất thấp đóng muối ở Utah. Cũng cảm giác lạc lõng, cũng sự phân rã của thể xác. Mất mát. Không khác thế giới tị nạn ngoài lề.

Vậy ra kinh nghiệm đặc thù của những kẻ đứng ở ngoại biên chính là điều kiện phổ quát của con người thời đại. Ngoại biên chính là cốt lõi. Nhị nguyên tan biến. Tất cả lịch sử đều là lịch sử đặc thù. Mọi cảm tính đều phổ quát.

Chẳng thế mà Adrienne Rich, một nhà thơ đồng tính da trắng đã từng than vãn như di dân chúng ta than vãn:

*Và ở xứ sở kia
của những chọn lựa bởi kẻ khác
xứ sở mà tôi đã không hề lựa chọn
xứ sở của những chuyến đi về khủng khiếp
xứ sở mà địa đồ tôi mang theo ở lòng bàn tay
những cánh rừng đang cháy: lịch sử đang cháy.*
(“Turning,” trong *Time’s Power*)

Mọi đất nước đều xa lạ. Như định mệnh.

Ngay cả xứ sở của ký ức. Khai quật, chúng ta sẽ tìm thấy gì ở vùng đất của ký ức? Nhà Cũ chẳng như tựa truyện của Nguyễn Danh Bằng? Người kể chuyện tìm thấy gì dưới lòng đất? Địa đạo ở di chỉ khảo cổ của Nguyễn Danh Bằng giữ người đọc lại không phải bằng kỷ vật hay cổ vật - thứ vàng mã lấp lánh người ta hay dùng để đánh tráo sự trải nghiệm một lịch sử đặc thù - mà bằng sức thôi miên của động tác khai quật, phổ quát và bao trùm trong tính phúng dụ của nó.

Đinh Từ Bích Thúy trong số này cho rằng kinh nghiệm di dân là kinh nghiệm chung của cộng đồng Mỹ nên cô quả quyết văn chương của chúng tôi - người Mỹ gốc Á, người di dân, người da màu, người hai văn hóa hai thứ tiếng, người của những “vùng đất hoang”-chính là văn chương chảy trong dòng chính với “sứ mệnh khai phá” của nó, và đã chảy như thế từ thời lập quốc, qua những cánh đồng đêm tối giữa nền cộng hòa của Gatsby, qua Thanh Âm và Cuồng Nộ, ngang Kẻ Vô Hình, qua thừa lúa mạch của Holden Caulfield, xuyên suốt đến giữa cuộc hôn nhân hiệp chủng của vợ chồng họ Hull, trong những món ăn của gã đầu bếp Việt trong Sách Muối của Monique Thùy Dung Trương, và chảy cuốn theo cả lời than của người viết bằng Việt ngữ như bà Hồng Khắc Kim Mai không có tiền thuê người dịch tác phẩm sang Anh ngữ.

Màu Da của Ngôn Ngữ

Ngôn ngữ. Trong những luận bàn hết giấy hết mực của học giả, của nhà phê bình, ít ai quan tâm đến ngôn ngữ, nhất là trong ngành Á Mỹ Học (Asian American Studies). Có quan tâm đến vấn đề ngôn ngữ chẳng là trong ngành học hậu thuộc địa, nhưng lại nằm ngoài bối cảnh của dân thiểu số tại Mỹ. Trong khuôn khổ văn học Mỹ, không ai thách thức sự kiện văn học Mỹ sao không bao gồm văn chương bằng tiếng Việt hay bất cứ thứ tiếng nào khác viết trên đất Mỹ như Christine Cao đã hỏi trong số này. Họ không quan tâm có phải vì họ không thấy ngôi vị độc tôn của Anh ngữ là một nan đề?

Nhưng chúng ta, người viết và người đọc gốc Việt, hình như không có cái xa xỉ đó. Chúng tôi nghĩ đây là một vấn đề then chốt khi chúng ta nói về vị trí ngoại vi hay trung tâm, bị trị hay cai trị, đặc thù hay phổ quát, hồi ức và bôi xóa, ngay khi chúng ta nói về sự hóa giải những cặp nhị nguyên này trong văn chương, với những đòi hỏi thẩm mỹ và cảm quan của nó. Vì thế, đặc biệt trong số này, chúng tôi đã thực hiện phần phỏng vấn 10 người viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh, Việt và gốc Việt về vấn đề chọn lựa ngôn ngữ viết: Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Phan Nhiên Hạo, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Danh Bằng, Đỗ Khiêm, Trịnh Thanh Thủy, Đinh Linh, Việt Nguyễn, Đỗ Lê Anh Đào, và sau cùng, Ban Mai, một người viết trong nước nhìn về văn chương di dân gốc Việt bằng tiếng Việt và tiếng nước sở tại. Ban Mai nhắc nhở chúng ta không thể quẳng nước Việt Nam, người Việt Nam vào quá khứ, như Nguyễn Quốc Chánh phải kêu lên từ Sài Gòn: “Tao là đứa bé nghèo trên lưng Linda Lê” khi nhà văn di dân viết tiếng Pháp này trả lời phỏng vấn rằng cô mang trên mình nước Việt Nam như một đứa bé đã chết. Còn tiếng Việt? Chúng ta có thể quẳng tiếng Việt và văn chương tiếng Việt vào quá khứ trong bối cảnh di dân? Những câu trả lời phỏng vấn phản ánh vị trí và nét đa dạng của tất cả chúng ta. Ngoài ra, nhiều bài nhận định trong số này cũng xoay quanh vấn đề ngôn ngữ trong văn chương da màu gốc Việt.

Có nhiều người trong chúng ta ở thế hệ mà cả hai thứ tiếng bám vào chúng ta như hai thứ tóc. Lúc nào thì chúng ta viết và đọc tiếng Anh, lúc nào tiếng Việt, với những hệ quả nào? Có thể chẳng chúng ta theo chân nhân vật trong truyện cực ngắn của Nguyễn Thị Hoàng Bắc “qua sông đổi ngựa qua vựa đổi trâu,” “bông rua Diêm Vương, cười hỏi How are you?” Nhân vật của Hoàng Bắc không mất gì trong cuộc qua sông, ngoài “đau kịch liệt một tháng, đầu hàng một giây, nặng nề ăn thua mẹ gì?” Còn chúng ta?

Đinh Từ Bích Thúy cho rằng khả năng song ngữ là một lợi điểm, cho phép những người viết song ngữ “chất vấn bất cứ mọi ngôn ngữ và lối nhìn hà khắc. . . . Dạng chân qua hai dòng văn hóa, chúng tôi không phải là thành viên của một Lost Generation, mà là hiện tại và tương lai của nền văn học xuyên

văn hóa, xuyên màu da.” Đinh Linh, thành viên trong thế hệ song ngữ, hẳn đồng ý với tuyên ngôn vừa thơ mộng vừa quả quyết của Đinh Từ Bích Thúy khi anh trả lời phỏng vấn: “Thật sự thì tôi là hai nhà văn, một Mỹ, một Việt. Tôi viết bằng tiếng Việt vì tôi gắn bó với số mệnh của nước Việt. Tôi viết bằng tiếng Anh vì tôi gắn bó với số mệnh của nước Mỹ.”

Căn cước đôi còn thể hiện trong một loại vận dụng tiếng Việt mới mà điển hình là những bài thơ bằng tiếng Anh lai Việt trong số này. Bên cạnh những khai phá ngôn ngữ thi ca trong các bài thơ nguyên tác và thơ dịch của Lê Thị Thấm Vân, Phan Nhiên Hạo, Trịnh Thanh Thủy, chúng ta còn có Jenni Trang Lê, Bảo Phi, Đỗ Lê Anh Đào, Quốc Bảo, Taylur Thu Hiền Nguyễn là những nhà thơ đang khai phá vùng đất của một loại ngôn ngữ nước đôi. Thơ của họ là thơ để nói, để hét, để trình diễn. Những âm điệu tiếng Anh, lẫn với tiếng Việt chẳng những không làm cho thơ họ khó hiểu mà còn tạo ra một cách hiểu khác cho người nghe. Nó khuyến khích người nghe vận dụng cảm quan xuyên ngôn ngữ, giữa những ngôn ngữ. Có vài bạn đọc đã từng phàn nàn rằng đây là thứ tiếng Việt bị lai căng. Chúng tôi mong các bạn nhìn một cách khác: rằng các nhà thơ trẻ đang quăng molotov *bleep*tails vào tiếng Anh. Những từ vựng, thanh âm tiếng Việt phụt cháy trên mặt phẳng của Anh ngữ, chất vấn địa vị độc tôn của nó, chất vấn cả độc quyền sở hữu Anh ngữ. Nếu tiếng Anh là thứ tiếng bá quyền vì lịch sử thực dân, vì đồng tiền của kinh tế toàn cầu, nếu tiếng Anh là thứ tiếng áp đặt bởi cốt lõi Anglo da trắng lên những nhóm người bị trị thổ dân hay di dân, thì chúng ta cũng có thể chiếm hữu nó làm tài sản của chúng ta. Tiếng Anh không chỉ thuộc về người Anh, người Mỹ mà còn thuộc về các nhóm người có những truyền thống ngôn ngữ khác, ngay trong lòng thế giới Anh ngữ. Kết quả có phải chăng là một thứ créole, một ngôn ngữ mới, như Christine Cao dự đoán?

Nhưng trong số chúng ta cũng có người chỉ có thể viết và đọc bằng duy nhất một thứ tiếng Việt hay Anh, vì lịch sử, vì hoàn cảnh, vì tuổi tác. Như thế ngôn ngữ nhiều khi như định mệnh thay vì một chọn lựa có tính cách đạo đức, chính trị hay văn hóa như Việt Nguyễn đã trả lời phỏng vấn. Việt Nguyễn và Christine Cao, trong bài Tại Sao Viết Tiếng Việt của cô, đồng ý rằng viết bằng tiếng Anh, không phải là một hiện tượng mất gốc, hay bị giới hạn trong những chiến thuật thách đố lại dòng chính. Chẳng những thế, Việt Nguyễn đã rất thuyết phục khi anh viết: “Không có thế hệ sinh ra tại Mỹ hay lớn lên ở đây như Monique Truong, le thi diem thuy, Aimee Phan, Kien Nguyen, và những người khác nữa, thì tiếng nói của cộng đồng di dân Việt Nam sẽ bị giới hạn trầm trọng, không phải trong khả năng nói mà trong khả năng được nghe.” Xác đáng.

Xác đáng đến phũ phàng. Thực tế là chúng ta sống trong một cộng đồng dân tộc áp đặt Anh ngữ lên những thành viên của nó. Rộng hơn, sống trong thế giới hôm nay, di sản của thực dân và sản phẩm của nền kinh tế toàn cầu, mấy ai thoát khỏi Anh, Pháp, Tây Ban Nha ngữ? Vậy trước hết, chúng ta hãy nói đến đế quốc của Anh ngữ mà trong lãnh thổ của nó, tất cả mọi thứ tiếng khác đều biến thành tiếng ồn, một thứ tạp âm, không phải tiếng người, nên để ngoài tai. Chúng ta viết bằng tiếng Việt không ai hiểu đã đành, chúng ta viết bằng tiếng Anh thì độc giả dòng chính hiểu như thế nào, và thị trường văn học mua bán sản phẩm văn hóa của chúng ta như thế nào?

Văn chương Mỹ hay xem trọng tính trung thực, một loại hiện thực chủ nghĩa dựa lên kinh nghiệm sống của tác giả. Tốt lắm. Nhất là khi tác giả muốn làm một loại chứng nhân cho thời đại hay lịch sử của họ. Nhưng với các tác giả da màu thiểu số thì áp lực này có nguy cơ biến tác phẩm họ thành một thực thể khác. Những điều họ viết thường được độc giả và thị trường văn chương dòng chính xem như tiêu biểu cho văn hóa và lịch sử đặc thù của dân họ như Isabelle Thuy Pelaud nhắc nhở chúng ta trong số này. Tệ hơn nữa, thỉnh thoảng chúng ta còn thấy vài tác phẩm bằng Anh ngữ lấp lánh hào quang món đồ lưu niệm exotic, hay vàng mã, dùng để tiêu biểu cho văn hóa đặc thù và lịch sử đau đớn của dân họ, những người đã phải sống những biến cố lịch sử đó. Khi mô tả người dân họ bằng

Anh Ngữ, theo thị hiếu của độc giả và thị trường dòng chính, đôi khi, một vài tác giả gốc Việt (đôi khi và một vài thôi, vì đa số các tác giả viết bằng tiếng Anh là những người tài năng và hiểu biết) đã vô hình chung nói thay dân mình, trong một ngôn ngữ khác.

Mình không nói cho dân mình thì để ai nói đây? Đúng. Đương nhiên chúng ta hết lòng ủng hộ những người viết về người Việt và người Việt di dân bằng tiếng Anh hay tiếng nước sở tại khác. Nhưng người viết chúng ta dĩ nhiên nên cẩn thận khi văn bản của ta dễ bị dòng chính xem như đại diện cho tính đặc thù của dân mình, có nghĩa là mãi mãi đặc thù trong thế giới phổ quát của dòng chính, trong cách hiểu bao trùm của kẻ cai trị. Nhất là trong một ngôn ngữ khác. Kỳ lạ thay, một văn bản viết bằng tiếng Anh của cốt lõi da trắng lại không trắng da trong hệ thống tín hiệu của tương quan màu da và quyền lực. Cũng không phải lớp da màu của tác giả sẽ tất nhiên biến những điều họ viết thành văn bản chống lại màu da trắng của Anh ngữ. Ngôn ngữ mang theo nó tư duy về thế giới, về lịch sử, về vị trí trong tương quan quyền lực. Và cả ký ức. Ngũĩ wa Thiong’o, nhà văn Kenya hậu thuộc địa xử dụng thứ tiếng cả 5 triệu người dùng mà chúng ta ít ai nghe đến—Gikuyu, đã cảnh cáo cách bôi xóa ký ức lịch sử của một nhóm người dễ nhất là áp đặt một thứ tiếng khác. Nó dễ dàng biến thành hành động viết chông, nuốt chửng sự hiện diện và lịch sử của kẻ khác chính bằng hành động nói lên tính đặc thù của nền văn hóa hay lịch sử của nhóm bị trị.

Đương nhiên văn chương, mỗi văn bản, mỗi tác giả là một thế giới phức tạp. Christine Cao trong số này cũng cảnh cáo chúng ta không nên để chính trị giản lược hóa nghệ thuật. Các vận dụng ngôn ngữ, ẩn dụ, mỹ quan, và cả diễn giải đều đa dạng trong những bối cảnh xã hội của chúng. Văn chương nó buồn cười và kỳ kiêu thế, như các tác phẩm của Đinh Linh, Aimee Phan, và Việt Nguyễn cho thấy trong số này. Cả cuộc đời nữa, buồn cười và kỳ diệu. André Schwartz-Bart, tác giả Do Thái Pháp da trắng có lần nói giùm nhân vật tình nhân da đen của Solitude, cô gái nô lệ lai Pháp cầm quân nổi loạn trên đảo thuộc địa Guadeloupe bị xử tử năm 1802, rằng tâm thức của người da trắng là một thế giới huyền bí, “tất cả những ai bước vào đều thất lạc; họ biến thành những chiếc bóng, con múa rối trong cuộc chiêm bao của người da trắng. Họ ngừng hiện hữu, như thể họ chưa từng hiện hữu” (La mulâtresse Solitude). Hay Paul Celan, viết sau những kinh nghiệm Do Thái trong trại diệt chủng, bằng tiếng Đức:

*Nhưng những gì đến gần ta, duy nhất,
trở thành ngôn ngữ vĩ đại của những âm tiết,
và chiếc bao tải chứa hạt hạnh nhân
nổi sấm
nở hoa.
("Force of Light")*

Những tương quan quyền lực và nghệ thuật chẳng chịt lăm, không thể giản đơn hóa thành công thức chính trị. Chúng ta chắc chắn nên để mở mọi cánh cửa cho người sáng tác bằng tiếng Anh. Và cổ vũ họ.

Một Nền Văn Chương Việt Thoại Xuyên Quốc Gia

Cổ vũ cho những người viết tiếng Anh, nhưng chúng ta cũng nên để mở mọi cánh cửa cho người sáng tác bằng tiếng Việt. Vì ngoài thực tế phũ phàng về địa vị bá quyền của Anh ngữ ra, chúng ta còn có, hay có thể tạo ra, những thực tế khác. Hay đúng hơn, ta có thể đục khoét những lối thoát ra

ngoài cuộc chiêm bao của người da trắng mà Lawrence of Arabia từng gọi là những cơn mơ ngày. Vì chúng ta hiện hữu.

Dù không thoát ly được như những giấc mơ (lại mơ) cách mạng giải phóng từ rặng đông thời hiện đại ở thế kỷ 18, nhưng chúng ta có thể đi đi về về thế giới chiêm bao của người da trắng như những chuyến đi về xuyên quốc gia của di dân. Chúng ta có thể vẫn mang căn cước ethnic thiểu số, vì chúng ta là sản phẩm của lịch sử dân tộc Mỹ, và để đòi bình đẳng trong lịch sử đó; nhưng đồng thời chúng ta vẫn có thể đi về những thế giới khác tự tạo, như thổ dân của Thường Quán. Đây không phải là điều bất khả.

Đi về đòi hỏi điều kiện kinh tế, đường bay, và kỹ thuật viễn thông. Nhưng trong văn chương điều đó còn đòi hỏi những công trình dịch thuật. Christine Cao, theo Rushdie (và cả Walter Benjamin), bảo dịch không chỉ là mất mát chồng lên mất mát, mà chúng ta còn được nhiều thứ ở những đường ngang dọc xuyên ngôn ngữ (hay qua một thứ ngôn ngữ siêu ngôn ngữ như Benjamin hy vọng?). Dịch thuật là nhu cầu tuyệt đối. Không có Trịnh Thanh Thủy, Phạm Thị Ngọc, Phan Nhiên Hạo, Trần Tuệ Quân, Nguyễn Nguyệt Cầm, Đỗ Lê Anhdào, Lê Thị Thấm Vân và Chân Phương đã làm công việc hết sức khó khăn là dịch thuật, thì chúng ta đã không thể có cuộc trao đổi trò chuyện trong tập hợp này, những vấn đề màu da và ngôn ngữ đã không thể bàn thảo. Đó là chưa kể những điều các dịch giả này đã cho ta nhìn thấy, ở giữa những ngôn ngữ, xuyên ngôn ngữ, siêu ngôn ngữ.

Đỗ Kh trong bài phiếm luận về văn chương thế giới và ngôn ngữ đã phàn nàn rằng chúng ta chỉ có những tương quan hàng dọc, giữa những vùng thủ phủ da trắng ban phát giá trị văn chương và các vùng thiểu số hay nhược tiểu, mà không có những tương quan hàng ngang giữa các nền văn chương và các thứ tiếng không bá quyền. Có lẽ vì thế mà chúng ta không nghe đến ngôn ngữ Gikuyu của Ngũĩ wa Thiong'o và công trình khuyến khích dịch các tác phẩm Phi Châu sang các tiếng Phi Châu khác, không thông qua tiếng Anh hay Pháp. Nguyễn Thị Ngọc Nhung qua Lần Gặp Cuối cho ta thấy khó khăn của quan hệ cá nhân hàng ngang giữa những nhóm thiểu số tại Mỹ. Chúng ta phải xử dụng tiếng Anh với nhau đã đành, chúng ta còn đứng cùng vị trí thấp kém trong tâm thức người da trắng, cho dù chúng ta rất khác nhau về lịch sử và tập quán.

Dịch thuật là phương tiện đi về, đường dọc và đường ngang. Còn thế giới tự tạo để chúng ta có chỗ đi về? Christine Cao nhắc đến sự hiện diện của đài radio, truyền hình, báo chí Việt ngữ nhan nhản trong cộng đồng Việt trên đất Mỹ. Chúng ta không chỉ là người nói tiếng Việt trên đài, viết tiếng Việt trên báo, mà chúng ta còn là người nghe người đọc tiếng Việt. Chúng ta chỉ bị giới hạn trầm trọng về khả năng được nghe nếu chúng ta chỉ kể cộng đồng nói tiếng Anh và quên kể đến chính chúng ta trong một cộng đồng nói tiếng Việt trên khắp thế giới, không giới hạn biên giới quốc gia.

Tại sao chúng ta không đẩy mạnh hướng tiến của một dòng văn chương tiếng Việt trên khắp thế giới? Nó có thể đẩy văn chương ra khỏi sức dè của mô hình dân tộc tại Việt Nam từ lâu bị giam cầm trong rào cản của chủ nghĩa dân tộc và mưu đồ của những tập đoàn cai trị. Một dòng văn chương như thế không cạnh tranh với dòng văn chương Anh hay Pháp ngữ của các tác giả gốc Việt, mà nó song hành, có thể làm chỗ đi về cho nhau. Dĩ nhiên chúng ta phải thúc đẩy những giao tiếp, đối thoại, đào những con kinh thông nhau giữa 2 dòng văn chương này bằng những nỗ lực chung như thế này, và bằng dịch thuật.

Như thế, thay vì mặc cảm tiếng Việt là tiếng mang lớp da màu, nhược tiểu, không ai nghe, không ai hiểu, tại sao chúng ta không để nó cho ta thêm một chọn lựa khác hơn là phải tự nhìn chính chúng ta qua chỉ một ngôn ngữ-tâm thức, tư duy bá quyền của Anh hay Pháp ngữ? Trong bối cảnh Hoa Kỳ,

các sáng tác tiếng Việt đã và đang xói mòn sự cố vị của trung tâm cốt lõi trắng, vì nó từ chối thể đứng ngoại vi trong tương quan đó, vì nó làm điều khó tưởng: tạo nên một thể giới đặt trung tâm ở một ngôn ngữ khác ngay trong lòng một cộng đồng Anh ngữ và nền kinh tế tư bản toàn cầu nói tiếng Anh. Có thể chẳng chúng ta đòi hỏi có thêm nhiều chủ nghĩa hiện đại khác, chủ nghĩa thể giới cosmopolitanism khác hơn là chủ nghĩa hiện đại đặt tâm điểm ở nền văn minh Âu Châu, sản phẩm của tương quan quyền lực từ lịch sử thực dân đã dẫn chúng ta đi từ chủ nghĩa đế quốc đến chủ nghĩa quốc gia dân tộc. Aihwa Ong từng đề nghị ta nhìn mạng lưới Hoa Kiều trên khắp thế giới như là một cách tổ chức hiện đại khác, một alternative modernity không tách rời (vì không thể tách rời một cách co cụm), mà dựa trên bình diện thể giới đương đại.

Chúng ta có thể nhìn tương tự về những cộng đồng di dân khác? Về chính chúng ta? Và mang khái niệm này vào văn chương? Như Christine Cao viết trong số này, một dòng văn chương Việt Thoại khác hơn văn chương Pháp Thoại vì chúng ta không có chiều dọc của lịch sử viễn chinh và bề rộng của đế quốc Pháp với nhiều sắc dân và màu da. Nhưng chúng ta có bề rộng của thể giới chúng ta lưu vong, lưu trú, định cư, tạm cư, đi về, không phải chỉ một lần đi mà là hết lớp này đến lớp khác di chuyển từ Việt Nam, có khi sang đến nước thứ 3 hay thứ 4, và có cả những cuộc trở về. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và hiện tượng di dân đã biến thành phổ quát, những cuộc di dân không chỉ xảy ra trong một đợt và một chiều dẫn từ quá khứ đến tương lai theo mô hình bị quốc gia sở tại đồng hóa đánh mất dần căn cước và ngôn ngữ. Chúng ta có thừa khoảng trống xuyên quốc gia để phát triển đa dạng trong mỹ quan, tâm thức, và ngay cả trong lương tâm chính trị, xã hội, lịch sử.

Sáng tác bằng tiếng Việt của người Việt di dân không chỉ luyện tiếu, hoài cổ, nghèo nàn, lạc hậu, co cụm, ghetto như một số người không theo dõi lắm tưởng. Những người di dân viết tiếng Việt ít bị giới hạn đề tài phải đại diện cho lịch sử đặc thù, ít bị sức ép của thị trường dòng chính. Kết quả là trong hơn thập kỷ qua, họ đã có rất nhiều thử nghiệm trong văn phong, cấu trúc, đề tài, và trong cách vận dụng ngôn ngữ. Thơ tiếng Việt chỉ cần mở một tuyển tập như 26 Nhà Thơ Việt Nam Đương Đại là có thể thấy những bước khai phá quá vững vàng và tự tin, hoàn toàn không theo sau thi ca ngoại ngữ. Văn xuôi di dân thì ngoài các nhà văn đã có tên tuổi như Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, chúng ta không thể bỏ qua thành tựu gây kinh ngạc của Trần Vũ, Mai Ninh, Phạm thị Ngọc, Nguyễn Danh Bằng, Đỗ Kh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hồ Minh Dũng, Phạm Thị Hoài, Đặng Thơ Thơ, Miêng, Lê Minh Hà, Trần Sa, Lê Thị Thắm Vân, và bao nhiêu là ngòi bút xuất sắc khác. Họ đã cặm cụi khai phá bằng thứ tiếng bị đe dọa như Nguyễn Thị Hoàng Bắc lạc quan trong tình thế bị quan khi trả lời phỏng vấn. Với độ dày đáng kính, những thành tựu của họ phải được công nhận và đẩy mạnh.

Với sự có mặt của một dòng văn chương tiếng Việt vững mạnh thách thức lại cương vị độc tôn của Anh ngữ, lời khuyên của Phan Nhiên Hạo trong bài phỏng vấn rằng chúng ta cứ sáng tác trong bất cứ thứ tiếng nào quen thuộc, biến thành tất nhiên. Và dự phóng của Nguyễn Danh Bằng về tương lai lớn mạnh của dòng văn chương lưu vong trong tính phổ quát của nó, trong bất cứ ngôn ngữ nào, biến thành thuyết phục.

Dòng văn chương da-màu-mới, trong bối cảnh di dân ở một nơi như Hoa Kỳ, không thể thiếu những chỗ để đi về, để không bị giam lỏng trong nền văn học dân tộc Hoa Kỳ hay lệ thuộc vào những vùng đất bị/được nền kinh tế toàn cầu nói tiếng Anh chinh phục. Nó không thể thiếu những dòng văn chương bằng những ngôn ngữ bị thiểu số hóa, bị nói át, bị viết chồng lên, bị bôi xóa. Văn chương da màu gốc Việt rất cần những tác phẩm Anh ngữ, nhưng nó cũng không thể thiếu văn chương tiếng Việt, như mầm lửa ta nuôi trong lòng thể giới Anh thoại.

Ai nói sau biến cố, sau trận cháy nhà, sau cuộc ra đi, sau chấn thương, sau định cư, sau hội nhập,

tiếng Việt đã là quá khứ?

Chúng ta có thể trả lời họ bằng mấy câu thơ Thận Nhiên, một người viết lưu cư xuyên tổ quốc Hoa Kỳ và Việt Nam:

*ngôi nhà sẽ cháy
căn phòng nghiêng 45 độ lặn từ hiện tại xuống tương lai
bỏ nắm tay vào miệng anh lôi ra một con chim hót trong cuống phổi
tiếng hót ứng cùng em
trôi lên từ giấc mơ trong một căn phòng khác
một hiện tại khác
với thời khắc anh đang thở.
("Ngôi Nhà Bắt Lửa")*

Tháng Mười, 2005